

**BÁO CÁO**  
**HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NĂM 2024**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên trường: Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ
- Tên tiếng Anh: Southern College for Engineering and Agriculture
- Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Địa chỉ: Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ
- Điện thoại: (0292) 3 862 067; Email: cdcodien08@yahoo.com
- Website: <http://cea.edu.vn>
- Năm thành lập Trường: 1969
- Năm 2005 nhà trường được nâng cấp thành trường Trung học Cơ điện và Kỹ thuật Nông nghiệp Nam Bộ
- Năm 2008 được nâng cấp thành trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ
- Loại hình trường: Công lập

**1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự**

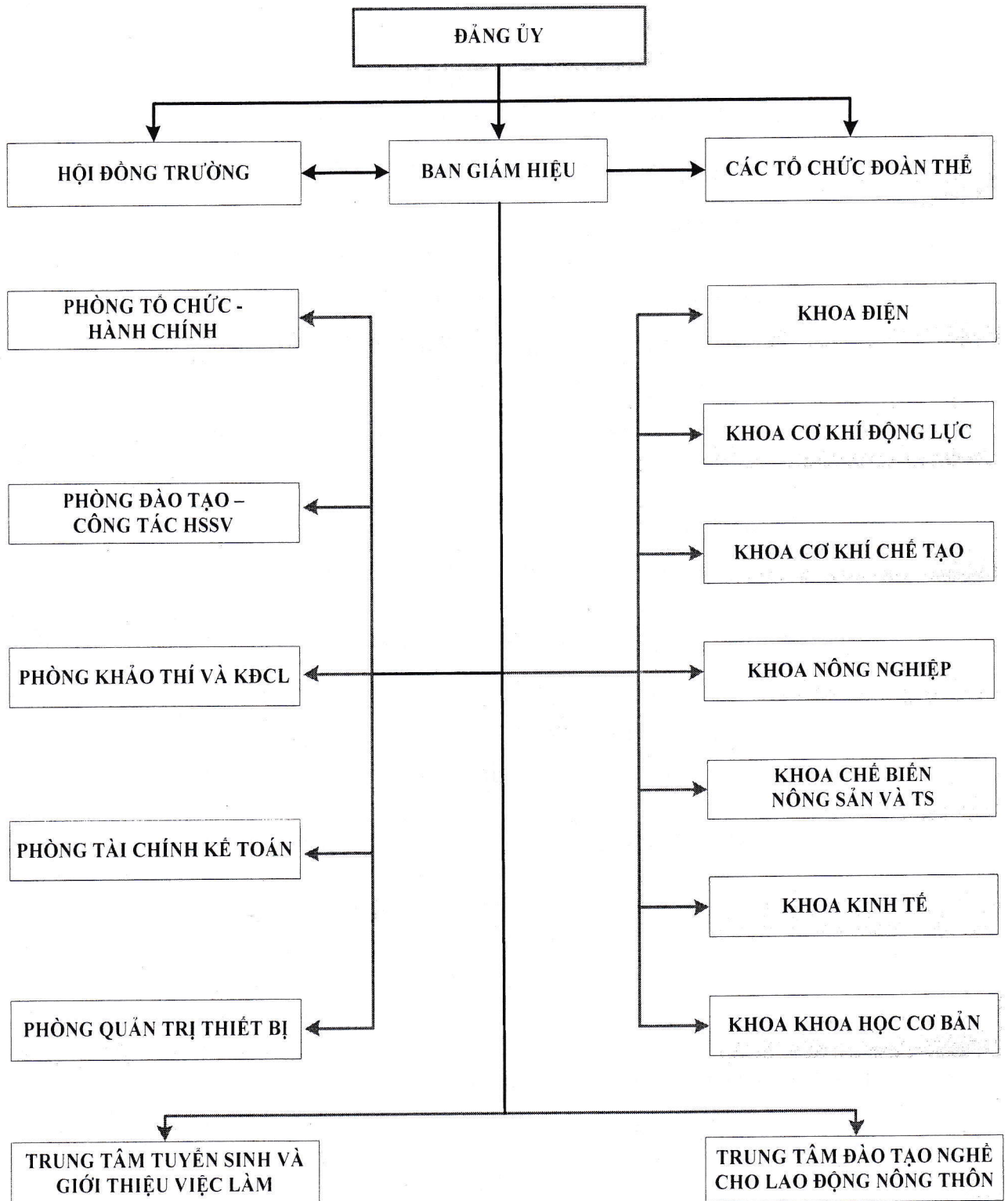
- **Biên chế:** Tổng số 84 người, giáo viên và cán bộ quản lý có tham gia giảng dạy là 77 người.

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	1	1
Thạc sĩ	28	32	60
Đại học	17	6	23
<b>Tổng số</b>	<b>45</b>	<b>39</b>	<b>84</b>

- **Hợp đồng khác:** Tổng số 11, trong đó

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Đại học	5	0	5
Cao đẳng	1	1	2
Trình độ khác	1	3	4
<b>Tổng số</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>11</b>

**- Cơ cấu tổ chức:**



### 1.3. Nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh

#### a. Trình độ cao đẳng

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	6520227	40
2	Quản trị mạng máy tính	6480209	40
3	Chế biến và bảo quản thủy sản	6620302	80
4	Thú y	6640101	30
5	Bảo vệ thực vật	6620116	30
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	120
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	80
8	Kỹ thuật máy nông nghiệp	6520102	40
9	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	40
10	Công nghệ thực phẩm	6540103	40
11	Chăn nuôi	6620119	40
12	Khoa học cây trồng	6620109	40
13	Kế toán	6340301	40
14	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	6520205	30
15	Nuôi trồng thủy sản	6620303	30

#### b. Trình độ trung cấp

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	5520227	50
2	Quản trị mạng máy tính	5480209	30
3	Chế biến và bảo quản thủy sản	5620302	40
4	Thú y	5640101	80
5	Bảo vệ thực vật	5620116	160
6	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	60
7	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	5520205	40
8	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	80
9	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	5480102	30
10	Cắt gọt kim loại	5520121	40
11	Chăn nuôi thú y	5620120	40

12	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	40
13	Nuôi trồng thủy sản	5620303	80
14	Kế toán doanh nghiệp	5340302	40
15	Công nghệ thực phẩm	5540103	50

**c. Trình độ sơ cấp**

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Trồng cây có múi		35
2	Trồng xoài, ổi, chôm chôm		35
3	Trồng sầu riêng, măng cụt		35
4	Trồng dưa hấu, dưa bở		35
5	Trồng dưa (khóm, thơm)		35
6	Trồng vữa sữa		35
7	Trồng thanh long		35
8	Trồng vải, nhãn		35
9	Trồng giống lúa		35
10	Trồng ngô		35
11	Trồng khoai lang, sắn		35
12	Trồng lúa năng suất cao		35
13	Trồng bầu, bí, dưa chuột		35
14	Trồng và nhân giống nấm		35
15	Trồng rau hữu cơ		35
16	Trồng hoa hệ, lay ơn, đồng tiền, hồng môn		35
17	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy		35
18	Tạo giáng và chăm sóc cây cảnh		35
19	Quản lý dịch hại tổng hợp		35
20	Mua bán, bảo quản phân bón		35
21	Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ		35
22	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà		35
23	Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn		35
24	Nuôi dê, thỏ		35
25	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò		35

26	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi		35
27	Nuôi cá lồng bè nước ngọt		35
28	Nuôi cá diêu hồng, rô phi		35
29	Kỹ thuật nuôi lươn		35
30	Nuôi cá bông tượng		35
31	Nuôi cá tra, cá ba sa		35
32	Nuôi ba ba		35
33	Sản xuất giống một số loại cá nước ngọt		35

#### **1.4. Đơn vị phụ trách về đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng**

**Tên đơn vị phụ trách:** Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng

Số lượng cán bộ: 04

Email: phongkhaothi2012@gmail.com

#### **Chức năng và nhiệm vụ:**

##### **a. Chức năng**

Tham mưu, giúp và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong công tác:

- Quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện công tác khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển khoa học công nghệ; triển khai, quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong Trường; xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế; tổ chức, triển khai và giám sát các hoạt động hợp tác quốc tế trong Trường.

##### **b. Nhiệm vụ**

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa, dự thảo các văn bản quy định về quản lý, tổ chức thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả người học;

- Đề xuất, tổ chức thực hiện xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng đề thi; quản lý và bảo mật đề thi; nghiên cứu, cải tiến phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả người học phù hợp với yêu cầu từng ngành, nghề, trình độ, hình thức đào tạo;

- Triển khai tổ chức các kỳ thi theo đúng kế hoạch và quy định hiện hành;

- Bảo quản, lưu trữ điểm thi và các tài liệu liên quan đến kết quả thi theo quy định;

- Tham mưu xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng trường theo tiêu chuẩn, quy định và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc tự đánh giá chất lượng trường; nghiên cứu, đề xuất đăng ký, xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài;

- Tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ, viên chức, người học và người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của Trường;

- Công bố công khai kết quả đánh giá trên website Nhà trường. Đề xuất, lập kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém về chất lượng đào tạo sau khi công bố kết quả đánh giá;

- Tham mưu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nhà giáo tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các cấp.

- Nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học hàng năm của Trường. Đầu mối xúc tiến các đề tài/ dự án khoa học, công nghệ, hội nghị, hội thảo khoa học và sáng kiến liên quan đến các tổ chức, cá nhân bên ngoài Trường;

- Tổ chức, quản lý các hoạt động khoa học, công nghệ tại Trường; tư vấn chuyển giao, khai thác hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến của cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên thuộc Trường;

- Thống kê, báo cáo các mặt công tác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

- Xác nhận khối lượng công tác cho viên chức và người lao động tham gia thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

- Phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính và các khoa đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám hiệu phân công.

## **II. BÁO CÁO XÂY DỰNG VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

### **2.1. Tổng quan về hệ thống đảm bảo chất lượng đang vận hành**

#### **2.1.1. Đặt vấn đề**

Trong những năm qua, cùng với hoạt động kiểm định thì việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng là nền tảng quan trọng trong việc đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hình thành “Văn hóa chất lượng”, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường.

Xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà trường là cơ hội để Trường tiếp cận mô hình quản lý hiện đại, nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý, gắn kết sự tham gia của tất cả các thành viên trong Trường và giúp Trường giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học, luôn cập nhật, không ngừng cải tiến đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

#### **2.1.2. Thông tin xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

##### **a. Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

##### **b. Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ được xây dựng, vận hành và cải tiến nhằm hướng đến việc liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chủ yếu trong nhà trường như: học tập, giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng. Hệ thống đảm bảo chất lượng hướng đến đáp ứng tốt sức khỏe, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu các bên liên quan.

Hai mục tiêu chính để xây dựng và vận hành Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ là:

- Đánh giá, đo lường, kiểm soát chất lượng toàn diện từ đó đảm bảo và nâng cao chất lượng của nhà trường.

- Sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu tiêu chí, tiêu chuẩn đã quy định và là cơ sở để Trường tổ chức kiểm định bên ngoài.

### **c. Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng**

- Tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.

- Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

- Tiếp cận theo quy trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục đảm bảo chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

### **d. Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

#### **1. Công tác chuẩn bị:**

- Lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng  
- Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng

#### **2. Xây dựng hệ thống tài liệu:**

- Xây dựng chính sách chất lượng  
- Xây dựng mục tiêu chất lượng  
- Xây dựng sổ tay đảm bảo chất lượng  
- Xây dựng quy trình đảm bảo chất lượng và các biểu mẫu

#### **3. Thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng**

#### **4. Phê duyệt và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

#### **5. Đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng**

##### **2.1.3. Chính sách chất lượng giai đoạn 2021-2025**

1. Xây dựng đội ngũ nhiệt tình, trách nhiệm, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có tư duy đổi mới, sáng tạo

2. Xây dựng cơ sở vật chất ngày càng khang trang, hiện đại đáp ứng yêu cầu các mặt công tác của Trường

3. Thường xuyên cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu người học và các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động trong khu vực

4. Xây dựng môi trường sống, làm việc, học tập và sinh hoạt thân thiện, tích cực, lành mạnh, an toàn

5. Luôn chủ động, tích cực hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và giới thiệu việc làm cho HSSV

6. Không ngừng cải tiến quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt hoạt động của Trường

#### **2.1.4. Mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025**

1. Tuyển sinh đạt 85% chỉ tiêu được giao trở lên
2. 95% HSSV tốt nghiệp, trong đó tốt nghiệp loại khá trở lên đạt trên 60%
3. 100% HSSV tốt nghiệp được giới thiệu việc làm
4. Thiết bị đào tạo đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đào tạo quy định
5. Trên 90% nhà giáo được dự giờ đánh giá theo quy định
6. Có ít nhất 03 đề tài NCKH hoặc sáng kiến cải tiến cấp Trường trở lên
7. Ít nhất 80% cán bộ, viên chức, NLD đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên
8. Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng về kỹ năng nghề của HSSV tại ít nhất 10 cơ sở thực tập, doanh nghiệp
9. Vận hành 32 quy trình bảo đảm chất lượng, trong đó rà soát, chỉnh sửa ít nhất 03 quy trình
10. Tự đánh giá ít nhất 02 chương trình đào tạo

#### **2.1.5. Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành**

- Quản lý nhân sự
- Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị
- Quản lý môi trường làm việc
- Quản lý tài chính
- Quản lý chương trình, giáo trình
- Quản lý đào tạo
- Quản lý nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế
- Quản lý tài liệu hồ sơ
- Quan hệ Trường - Ngành
- Quản lý học sinh, sinh viên
- Quản lý chất lượng giáo dục nghề nghiệp

#### **2.1.6. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng**

- Đơn vị chủ trì: Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng
- Tóm tắt thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin của Trường:
  - + Số máy tính phục vụ phòng, khoa: 40
  - + Số máy tính phục vụ học sinh, sinh viên: 86
  - + Số máy tính kết nối Internet: 57
  - + Website: <http://cea.edu.vn>



+ Máy chủ quản lý thư viện: 01

## 2.2. Đánh giá cải tiến

### 2.2.1. Đánh giá

- Tổng số đợt đánh giá: 01

- Tổng số đơn vị Trường thực hiện tự đánh giá: 07

### 2.2.2. Cải tiến

- Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa bổ sung, cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
<b>Tổng số nội dung đang vận hành</b>	11	
Số lượt nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượt nội dung được bổ sung	0	
Số lượt nội dung loại bỏ	0	

- Các quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
<b>Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành</b>	32	
Số lượt quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	04	
Số lượt quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượt quy trình, công cụ loại bỏ	0	

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 3.1. Ưu điểm

Áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng giúp nhà trường điều hành nội bộ và kiểm soát nội dung đảm bảo chất lượng tốt hơn.

Các quy trình, công cụ, biểu mẫu đã giúp giải quyết công việc theo một trật tự, rút ngắn thời gian khi áp dụng, tạo thuận lợi cho các đơn vị, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ.

### 3.2. Tồn tại, hạn chế

Một số cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên chưa chú trọng các quy trình, công cụ dẫn tới công tác đảm bảo chất lượng theo hệ thống còn hạn chế.

Nguồn nhân lực thực hiện xây dựng quy trình, biểu mẫu, tự đánh giá chất lượng còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

### 3.3. Nguyên nhân

Mức độ hiểu biết và tuân thủ của một số viên chức khi thực hiện nội dung chưa tuân thủ quy trình.

### 3.4. Đề xuất

Tiếp tục triển khai các lớp tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật về kiến thức, kỹ năng về xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên nhà trường.

Cần có phần mềm dùng chung cho các hoạt bảo đảm chất lượng GDNN, thiết lập hệ thống thông tin từ cơ quan quản lý đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm thông suốt, thống nhất các nội dung đảm bảo chất lượng. ㄝ

**Nơi nhận:**

- Vụ TCCB - Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Sở LĐTBXH Cần Thơ (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT&KĐCL.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Văn Tám**